QUAN HỆ VIỆT NAM - AUSTRALIA TỪ NĂM 1973 ĐẾN NĂM 1991

VÕ XUÂN VINH*
TRẦN NGỌC DŨNG**

1. Quan hệ chính trị - ngoại giao

Quan hệ giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) và Australia từ năm 1973 đến năm 1975 chịu tác động mạnh mẽ bởi tình hình chiến sự tại Việt Nam và sự thay đổi trong bộ máy chính phủ Australia. Theo Hiệp định hòa bình Paris, lực lượng Mỹ và đồng minh, trong đó có Australia, phải rút khỏi Việt Nam trong vòng 60 ngày. Về phía Australia, sau khi Công Đảng do Thủ tướng Gough Whitlam đứng đầu lên nắm quyền sau cuộc bầu cử cuối năm 1972, Australia nỗ lực theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập hơn, không còn ủng hộ vô điều kiện đối với các hoạt động của Mỹ ở Đông Dương (1). Ngày 23-12-1972, Thủ tướng Whitlam bắt đầu rút nhân viên quân sự Australia khỏi miền Nam Việt Nam. Sau đó vài ngày, ông tuyên bố hủy bỏ các chương trình viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn. Thậm chí, chính quyền Whitlam còn lên án mạnh mẽ việc Mỹ ném bom B52 tàn phá miền Bắc Việt Nam (2).

Đầu năm 1973, Thủ tướng Whitlam chủ trương thành lập cơ quan đại diện ở cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam nhằm phục vụ cho các hoạt động viện trợ. Ngày 2-2-1973, Đại sứ Australia tại Paris, Alan Renouf lần đầu tiên tiếp xúc với đại diện phía VNDCCH để thăm dò khả năng thiết lập quan hệ ngoại giao. Ngày 13-2-1973, hai bên chính thức có những tiếp xúc ngoại giao đầu tiên và đến ngày 26-2-1973, Chính phủ Australia tuyên bố công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với VNDCCH ở cấp đại sứ. Tuy nhiên, Australia vẫn duy trì quan hệ với chính quyền Việt Nam Cộng hòa (3). Ngày 2-4-1975, Thủ tướng Whitlam gửi thư cho đại diện ngoại giao của Australia ở cả Hà Nội và Sài Gòn, thể hiện mong muốn chấm dứt chiến tranh và hai miền Nam-Bắc ngồi vào bàn đàm phán hòa bình (4).

Ngay sau khi quan hệ VNDCCH - Australia được chính thức thiết lập, các phái đoàn ngoại giao giữa VNDCCH và Australia bắt đầu được triển khai nhanh chóng để thúc đẩy quan hệ song phương. Cụ thể, phái đoàn hỗn hợp của VNDCCH và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã thăm Australia vào tháng 5-1973. Ngày 27-10-1973, phái đoàn ngoại giao đầu tiên của VNDCCH do ông Nguyễn Dy Niên dẫn đầu đã đến Canberra (5). Cũng trong năm

*TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
**TS. Viện Quan hệ quốc tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

1973, Tổng Cục trưởng Tổng cục bưu điện và Bộ trưởng Ngoại thương Australia đã đến Hà Nội (tháng 7 và tháng 12-1973). Nhờ các đợt tiếp xúc này mà thái độ của Australia với chính quyền Sài Gòn có sự thay đổi khi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu không còn được Canberra đón tiếp như giai đoạn trước (6).

Sự kiện chính quyền Sài Gòn đầu hàng vô điều kiện vào ngày 30-4-1975 được Australia coi là sự kết thúc cuộc xung đột lâu dài ở Việt Nam và đưa tới việc Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tiếp quản miền Nam Việt Nam. Ngày 6-5-1975, Australia công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời và thành lập quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ vào ngày 8-8-1975 (7). Dưới thời cầm quyền của Thủ tướng Malcolm Fraser (1975-1983), do xác định rằng hệ tư tưởng không phải là nguyên tắc chỉ đạo trong chính sách đối ngoại (8) nên Australia hướng tới phát triển quan hệ hợp tác với các nước có cùng lợi ích mà không quan tâm đến vấn đề hệ tư tưởng (9). Nếu như đối với các nước ASEAN, Australia xác định tăng cường phát triển thêm các lĩnh vực hợp tác thông qua thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và hợp tác thương mại và các lĩnh vực kinh tế khác (10) thì đối với ba nước Đông Dương, Chính phủ Fraser "sẵn sàng tạo dựng mối quan hệ đôi bên cùng có lợi" (11) đồng thời "chú trọng khuyến khích Việt Nam, Lào, Campuchia tham gia các hoạt động hòa bình ở khu vực" (12).

Về phần mình, sau chiến thắng 30-4-1975, Việt Nam nhìn nhận "sự trao đổi giữa các nước tư bản chủ nghĩa và các nước xã hội chủ nghĩa cũng là một tất yếu khách quan và một thực tế lịch sử" (13) và "cần mở rộng trao đổi với các nước tư bản để nhanh chóng khắc phục mặt yếu kém" "về phương diện kỹ thuật trên một số lĩnh vực" (14) cũng như "đấu tranh để phá vỡ chính sách cấm vận và phong tỏa, để mở rộng sự trao đổi giữa các nước thuộc hai hệ thống" (15). Để thực hiện mục tiêu đó, Việt Nam chủ trương "mở rộng sự trao đổi và hợp tác quốc tế" (16), trong đó có việc "mở rộng trao đổi với các nước tư bản chủ nghĩa" (17). Đặc biệt, đối với Mỹ, đồng minh quan trọng nhất của Australia, Việt Nam "có thể xem xét, nghiên cứu những lĩnh vực có thể trao đổi, nghiên cứu việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước" (18). Chủ trương đó của Việt Nam đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy mối quan hệ giữa Việt Nam với nhiều nước tư bản trên thế giới, trong đó có Australia.

Chủ trương ngoại giao của Việt Nam và Australia đã thúc đẩy các hoạt động ngoại giao song phương cũng như đa phương giữa hai nước. Ngày 26-9-1977, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh đã có cuộc trao đổi với Bộ trưởng Ngoại giao Australia Andrew Peacock tại phiên họp Đại hội đồng Liên hợp quốc. Đây là cuộc trao đổi trực tiếp đầu tiên giữa hai bộ trưởng ngoại giao của hai nước (19). Tháng 7-1978, Thứ trưởng Ngoại giao Phan Hiền thăm chính thức Australia, hội kiến với Thủ tướng Fraser cùng các Bộ trưởng Ngoại giao Peacock và một số quan chức cấp cao của Australia (20). Tháng 11-1978, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp cũng sang thăm Australia (21).

Tại Liên hợp quốc (LHQ), bất chấp Mỹ bỏ phiếu phủ quyết, Australia vào năm 1975 đã bỏ phiếu ủng hộ cả VNDCCH và Chính phủ Cách mạng lâm thời trở thành thành viên của tổ chức này (22). Năm 1977, Australia tiếp tục ủng hộ Việt Nam trở thành thành viên của LHQ (23). Vào tháng 7-1977, Australia cũng ủng hộ việc Việt Nam tham gia Ủy ban Mekong (24), tiền thân của Ủy hội sông Mekong.

Vấn đề Campuchia diễn ra đã tác động tiêu cực đến quan hệ Việt Nam - Australia trong giai đoạn này. Ngày 25-12-1978, sau rất nhiều lần nhẫn nhịn trước việc Khmer Đỏ xâm lấn lãnh thổ, giết hại người dân Việt Nam, "bộ đội chủ lực Việt Nam, đáp lại lời kêu gọi của Mặt trận Đoàn kết Dân tộc cứu nước Campuchia được thành lập ngày 2-12-1978 do ông Heng Samrin làm chủ tịch, đã phối hợp với lực lượng vũ trang của mặt trận phản công" (25). Ngày 7-1-1979, lực lượng Việt Nam và lực lượng Mặt trận Đoàn kết Dân tộc cứu nước Campuchia đã giải phóng thủ đô Phnom Penh. Ngày 10-10-1979, Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia ra đời. Tuy nhiên, lúc này chính quyền của chế độ diệt chủng Pol Pot vẫn được công nhận ở Liên hợp quốc.

Do Australia chủ trương đứng về phía Mỹ và "mở rộng quan hệ với Trung Quốc" (26) trong bối cảnh quan hệ Mỹ-Trung được cải thiện nên Chính phủ Australia do Thủ tướng Fraser vẫn tiếp tục công nhận Kampuchea Dân chủ (DK) của Khmer Đỏ. Ngày 16-1-1979, Đại sứ Australia tại LHQ Anderson đã thúc giục Hội đồng Bảo an LHQ tìm kiếm giải pháp ngoại giao, thiết lập lệnh ngừng bắn và rút lực lượng nước ngoài ra khỏi Campuchia (27). Tháng 9-1979, tại phiên họp lần thứ 34 của Đại hội đồng LHQ, Australia đã đồng bảo trợ một dự thảo nghị quyết do ASEAN soạn thảo kêu gọi chấm dứt các hành động thù địch và rút tất cả các lực lượng nước ngoài ra khỏi Campuchia (28).

Tuy nhiên, từ nửa cuối năm 1980, chính sách công nhận chính quyền Khmer Đỏ bị chỉ trích mạnh mẽ từ Công đảng, báo giới Australia và đỉnh điểm là Bộ trưởng Ngoại giao Peacock từ chức để phản đối việc chính phủ từ chối đề nghị của ông về việc không công nhận chính quyền Khmer Đỏ (29). Thêm vào đó, Chính phủ Australia cũng đã nhận thấy được tội ác giết người hàng loạt của chế độ Khmer Đỏ (30). Trước sức ép mạnh mẽ đó, tháng 10/1980, Thủ tướng Fraser lần đầu tiên thông báo ý định không công nhận chính quyền Khmer Đỏ và đến tháng 1-1981, Australia chính thức làm điều này. Tuy nhiên, Australia cũng đồng thời không công nhận chính phủ Cộng hòa Nhân dân Campuchia (31). Dù quan hệ Việt Nam - Australia gặp nhiều khó khăn nhưng chính phủ hai nước vẫn duy trì đối thoại. Bộ trưởng Ngoại giao Peacock và Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch đã có các cuộc trao đổi bên lề hội nghị LHQ ở New York vào năm 1980 (32). Tuy nhiên có thể nói, từ năm 1979 cho đến trước khi Công Đảng lên cầm quyền ở Australia, quan hệ Việt Nam - Australia rơi vào thời kỳ đình trệ nhất kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng 2-1973 (33).

Tháng 3-1983, Công Đảng do Thủ tướng Bob Hawke đứng đầu trở lại nắm quyền ở Australia. Do xác định việc Việt Nam bị các nước phương Tây và một số nước Đông Nam Á cô lập không mang lại lợi ích cho Australia nên nước này đã chủ trương đóng vai trò kết nối các bên liên quan trong vấn đề Campuchia (34), đặc biệt là giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN. Trong nhiệm kỳ của mình, Bộ trưởng Ngoại giao Hayden đã có 16 chuyến công du tới 9 quốc gia Đông Nam Á (ngoại trừ Campuchia) (35), trong đó có 6 chuyến công du tới Thái Lan, 2 chuyến tới Indonesia và một chuyến tới Việt Nam để thảo luận các vấn đề liên quan đến vấn đề Campuchia. Về phần mình, bắt đầu từ năm 1982, Việt Nam đã từng bước rút quân khỏi Campuchia (36) và chủ trương "sẽ rút quân khỏi Campuchia nếu Thái Lan không cho phép Khơme Đỏ và Khơme phản động khác dùng lãnh thổ Thái Lan làm căn cứ chống Cộng hòa Nhân dân Campuchia, chấm dứt tiếp tế vũ khí và

lương thực cho lực lượng này" (37). Việc nhìn thấy bộ mặt thật của Khmer Đỏ và thiện chí của Việt Nam đã khiến Australia thúc đẩy sáng kiến của mình. Tháng 6-1983, Bộ trưởng Ngoại giao Hayden thăm Hà Nội nhằm kết nối Việt Nam với các nước ASEAN (38). Trong chuyến thăm này, ông có các cuộc hội đàm với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng và Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã đánh giá cao thiện chí của Australia khi ông coi chuyến thăm của Bộ trưởng Ngoại giao Hayden "đánh dấu bước phát triển quan trọng trong mối quan hệ giữa hai nước, là một cơ hội tốt để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, góp phần xây đắp tình hữu nghị giữa Việt Nam và Australia ngày càng củng cố và phát triển" (39). Đáp lại chuyến thăm của Bộ trưởng Hayden, Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch đã thăm Australia vào tháng 3-1984. Trong chuyến thăm này, Việt Nam và Australia đã nhất trí "đẩy mạnh các cố gắng làm dịu tình hình căng thẳng ở Đông-Nam Á trên cơ sở tôn trọng nền an ninh bình đẳng của tất cả các nước trong khu vực" (40). Những nỗ lực của Chính phủ Công đảng đã giúp Việt Nam có cái nhìn tích cực hơn về Australia. Trả lời báo chí về chuyến thăm Australia vào tháng 3-1984, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch nhấn mạnh: "nhân dân và Công đảng Australia là những người đã tham gia tích cực nhất phong trào nhân dân thế giới chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam… Từ khi lên cầm quyền, chính phủ Công Đảng Australia đã có một chính sách tích cực hơn đối với nền hòa bình và ổn định ở Đông Nam Á,… góp phần to lớn vào việc giảm bớt tình hình căng thẳng ở Đông Nam Á" (41).

Tuy nhiên, quan hệ Việt Nam - Australia trong giai đoạn này vẫn chưa thực sự có những bước đột phá do Australia lại gặp phải sự phản đối từ Mỹ, Trung Quốc, ASEAN và thậm chí là mâu thuẫn nội bộ (42) về chủ trương đối thoại với Việt Nam. Có thể thấy, Australia đứng trước tình thế "lưỡng nan" trong việc xác định mối quan hệ với Việt Nam, vừa không muốn làm xấu hơn quan hệ với Việt Nam, vừa không muốn làm ảnh hưởng đến các mối quan hệ có tính lợi ích thiết thực với ASEAN hay với đồng minh Mỹ.

Năm 1986, Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới. Báo cáo Chính trị Đại hội VI khẳng định "chủ trương tiếp tục rút quân tình nguyện Việt Nam khỏi Campuchia, đồng thời sẵn sàng hợp tác với tất cả các bên để đi tới một giải pháp chính trị đúng đắn về Campuchia" (43). Sau Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị (khóa VI) tháng 5-1988 về công tác đối ngoại ra đời, Việt Nam thực hiện phương châm "thêm bạn, bớt thù", chuyển từ đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình (44), một bước chuyển quan trọng trong đường lối đối ngoại từ việc mang đậm ý thức hệ sang coi trọng lợi ích quốc gia và tư tưởng chính trị thực tế (45).

Tháng 9-1988, Gareth Evans lên thay Hayden làm Bộ trưởng Ngoại giao Australia, tiếp tục theo đuổi đường lối ngoại giao linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề Campuchia và quan hệ với Việt Nam. Tháng 9-1989, Việt Nam tuyên bố rút quân sớm khỏi Campuchia dù cho các bên đã tìm ra giải pháp hay chưa. Quyết định này mở ra cánh cửa mới trong tiến trình đàm phán tìm kiếm hòa bình ở Campuchia, là bước ngoặt thay đổi mối quan hệ Việt Nam - Australia. Ngày 24-11-1989, Bộ trưởng Evans trình Nghị viện Australia đề án về việc tiến hành tổng tuyển cử công

bằng ở Campuchia do LHQ tổ chức. Đề án này đã đáp ứng được lập trường của Mỹ và Trung Quốc về việc xây dựng chính phủ 4 bên ở Campuchia (gồm cả Khmer Đỏ) trong khi phía Việt Nam và chính phủ Hun Sen cực lực phản đối chính quyền Pol Pot. Mặc dù vấp phải những ý kiến khác nhau nhưng đề án của Gareth Evans đã trở thành định hướng quan trọng của LHQ trong việc giải quyết vấn đề Campuchia.

Đồng thời với các giải pháp đa phương, nhiều nỗ lực thúc đẩy quan hệ song phương Việt Nam-Australia cũng được thực hiện. Bộ trưởng Evans đã có chuyến thăm Việt Nam tháng 1-1989 và hội đàm với Bộ trưởng Nguyễn Cơ Thạch. Trong chuyến thăm này, phía Australia đánh giá cao mục tiêu và quá trình đổi mới của Việt Nam. Đến năm 1991, hai bên đã thực hiện nhiều chuyến viếng thăm ngoại giao để thúc đẩy quan hệ song phương. Về phía Australia, cựu Thủ tướng Whitlam thăm Việt Nam tháng 4-1991, Thứ trưởng Ngoại giao Micheal Costello và Bộ trưởng Thương mại và Phát triển Neal Blewett thăm Việt Nam vào tháng 11-1991. Những chuyến thăm này cùng với việc Hiệp định Paris về vấn đề Campuchia được ký kết vào tháng 10-1991 đã mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ Việt Nam - Australia, đặc biệt khi thế giới bước vào kỷ nguyên hậu Chiến tranh Lạnh.

2. Quan hệ thương mại

Đầu thập niên 70 của thế kỷ XX, bên cạnh chính sách ngoại giao độc lập và cởi mở hơn, chính quyền Whitlam còn có những ưu tiên trong việc phát triển thương mại với Đông Nam Á (46). Về phần mình, sau khi Hiệp định hòa bình Paris được ký kết, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Chỉ thị số 200-CT/TW ngày 24-1-1973, coi công tác quốc tế, đặc biệt là kinh tế đối ngoại trở thành một trong những việc phải làm ngay (47). Với tinh thần đó, VNDCCH đã chủ động tiếp cận một số nước ngoài phe xã hội chủ nghĩa, trong đó có Australia. Nhờ vậy, trong giai đoạn 1973-1979, quan hệ thương mại giữa Australia và miền Bắc Việt Nam đã được chính thức thiết lập và phát triển.

Tháng 11-1974, Bộ trưởng Ngoại thương VNDCCH Phan Anh thăm chính thức Australia và ký kết Hiệp định thương mại đầu tiên giữa hai nước (ký và có hiệu lực ngày 26-11-1974) (48). Hiệp định thương mại 1974 là khuôn khổ chính thức cho quan hệ thương mại giữa hai nước bởi trước thời điểm này, trao đổi kinh tế của Australia với Việt Nam chỉ hướng đến chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Năm tài khóa 1976 - 1977 (tính từ 1-7-1976 đến 30-6-1977), Australia xuất khẩu sang Việt Nam số hàng hóa trị giá 42,3 triệu đô la Australia (AUD) và nhập khẩu số hàng hóa trị giá 276.000 AUD (49). Năm tài khóa 1977-1978, giá trị xuất khẩu của Australia sang Việt Nam giảm xuống chỉ còn 12,6 triệu AUD, nhập khẩu giảm xuống còn 79.000 AUD. Các công ty của Australia được phép đàm phán cung cấp than đá và các sản phẩm từ sữa cho Việt Nam.

Khi sự kiện Campuchia diễn ra, căng thẳng trong quan hệ chính trị ngoại giao giữa Australia và Việt Nam khiến quan hệ thương mại giữa hai nước gặp khó khăn. Tuy nhiên, khi Thủ tướng Bob Hawke lên cầm quyền vào năm 1983, Australia chủ trương phát triển quan hệ toàn diện, cân bằng và thực chất với tất cả các quốc gia Đông Nam Á (50), trong đó có việc hướng tới xây dựng dựng mối quan hệ song phương bình thường hơn với Việt Nam (51).

Cũng vào năm 1983, Việt Nam xác định mở rộng thì trường xuất khẩu, một mặt đặt lên hàng đầu sự hợp tác với Hội đồng tương

trợ kinh tế,... hợp tác toàn diện với Liên Xô, mặt khác "mở rộng quan hệ với các nước khác và các tổ chức quốc tế, phá được chính sách bao vây kinh tế..." (52). Sau đó, Tổng Bí thư Lê Duẩn trong ý kiến trình bày tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V (3-7-1984) đã khẳng định chủ trương "gắn liền việc xây dựng kinh tế trong nước với việc thiết lập và ngày càng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài là một hiện tượng có tính tất yếu khách quan" (53), ngoài các nước xã hội chủ nghĩa thì cần "khai thông con đường làm ăn với các nước tư bản chủ nghĩa..." (54). Ngày 17-7-1984, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW, chủ trương "mở rộng quan hệ kinh tế với các nước tư bản phát triển, trước hết là các nước Bắc Âu, Úc, Tây Âu đang có quan hệ tốt với ta" (55). Tiếp đó, Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa V, 1985 khẳng định: "Chính sách (kinh tế đối ngoại) của ta với các nước ngoài khu vực xã hội chủ nghĩa là sẵn sàng "mở cửa" và hoan nghênh bất cứ một sự hợp tác thiện chí nào, trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi.

Cách tiếp cận mới của hai nước đã góp phần quan trọng thúc đẩy quan hệ thương mại song phương, từ các chuyến thăm lẫn nhau, thiết lập các cơ chế mới đến sự gia tăng ấn tượng của thương mại hai chiều. Một trong những nội dung mà Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch thảo luận với phía Australia trong chuyến thăm nước này vào tháng 3-1984 là thương mại. Bộ trưởng Nông nghiệp Nguyễn Ngọc Trìu cùng với 12 quan chức cấp cao khác của Đông Nam Á đã được mời đến thăm và làm việc tại Australia theo chương trình SOVF (Quỹ chính phủ cho các chuyến thăm quốc tế đặc biệt). Tính từ năm 1984 đến tháng 6-1988, tổng cộng đã có 6 phái đoàn thương mại Australia đến Việt Nam để thảo luận về các hoạt động trao đổi thương mại giữa hai nước. Tháng 2-1989, đoàn đại biểu Nghị viện Australia sang làm việc tại Việt Nam với một trong những nội dung thảo luận là hợp tác thương mại giữa hai nước. Đổi lại, từ tháng 4-5/1989, một phái đoàn thương mại và một phái đoàn của các lãnh đạo ngân hàng Việt Nam đã đến Australia.

Tháng 6-1990, Việt Nam và Australia ký Hiệp định hợp tác kinh tế và thương mại, thay thế cho Hiệp định thương mại năm 1974. Hiệp định đã xác định các lĩnh vực ưu tiên hợp tác, bao gồm năng lượng, khai khoáng; các vấn đề liên quan đến tài nguyên thiên nhiên; phát triển cơ sở hạ tầng; nông nghiệp và chế biến thực phẩm; vận tải; công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến; khoa học kỹ thuật; môi trường; giáo dục; thông tin viễn thông; ngân hàng và tài chính; du lịch; và các lĩnh vực khác tùy điều kiện. Tháng 3-1991, Ủy ban hợp tác kinh tế và thương mại hỗn hợp Việt Nam-Australia họp lần thứ nhất. Cũng trong tháng 3-1991, hai nước ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Các hiệp định này đã xây dựng khuôn khổ hiệu quả góp phần tăng cường các lợi ích kinh doanh của Australia ở Việt Nam (56) nói riêng và quan hệ thương mại Việt Nam - Australia nói chung.

Nhờ tăng cường các đoàn trao đổi và sự ra đời của các khuôn khổ mới, hợp tác mới, thương mại hai chiều Việt Nam - Australia có những bước phát triển tích cực. Năm tài khóa 1982-1983, giá trị thương mại song phương giữa hai nước mới đạt 6,2 triệu AUD đã tăng lên mức 26,6 triệu AUD năm tài khóa 1987-1988 và 43,3 triệu AUD năm tài khóa 1988-1989. Đặc biệt, năm tài khóa 1989-1990, thương mại song phương đạt mức 99,6 triệu USD. Mặc dù thương mại song phương Việt Nam - Australia mới chỉ

chiếm 0,64% (44,3/6.726,8 triệu AUD) và 1,24% (99,6/8.046,6 triệu AUD) (57) tổng thương mại Australia - Đông Nam Á các năm tài khóa 1988-1989 và 1989-1990 nhưng mức tăng đó cũng cho thấy xu hướng tích cực của hợp tác thương mại giữa hai nước.

3. Viện trợ phát triển chính thức của Australia dành cho Việt Nam

Trong giai đoạn 1973 - 1975, Australia duy trì quan hệ với cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam và viện trợ cho cả hai bên. Năm tài khóa 1973-1974, viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Australia cho miền Bắc là 660.000 AUD, cho miền Nam là 3,728 triệu AUD. Năm 1974-1975, con số đó lần lượt tăng lên là 1,99 triệu AUD cho miền Bắc và 5,557 triệu cho miền Nam (58). Tuy nhiên, thay vì các khoản viện trợ quân sự như trước năm 1973, tất cả ODA mà Australia dành cho miền Nam trong giai đoạn 1973 - 1975 đều dành cho vấn đề sức khỏe và đào tạo y tế.

Tháng 4-1975, đoàn công tác của Cơ quan hỗ trợ phát triển Australia (ADAA) đã đến VNDCCH để thống nhất các điều kiện liên quan đến các dự án hỗ trợ cho Việt Nam (59). Đối với toàn bộ Đông Dương, từ 1-7-1974 đến 30-6-1975, Australia đã cung cấp 5,7 triệu AUD tiền hỗ trợ thông qua các tổ chức quốc tế khác nhau. Cụ thể, Australia đóng góp 700.000 AUD cho Quỹ nhi đồng LHQ (UNICEF), 3,5 triệu AUD cho Cao ủy LHQ về người tị nạn, 500.000 AUD cho Nhóm các hoạt động Đông Dương (IOG) trực thuộc Hội chữ thập đỏ quốc tế, và một triệu AUD dành riêng cho chương trình cung cấp lương thực và phát triển lúa gạo ở Lào. Riêng viện trợ cho VNDCCH dưới hình thức hàng hóa năm tài khóa 1974-1975 là khoảng 2 triệu AUD. Theo đề nghị của phía Việt Nam, kể từ 1/7/1975, nguồn ODA của Australia dành cho Việt Nam trở nên đa dạng hơn (*xem Bảng 1*).

Bảng 1: Viện trợ ODA của Australia cho Việt Nam giai đoạn 1975 - 1978

Đơn vị: Đô la Australia (AUD)

Khoản viện trợ	1975 - 1976	1976 - 1977	1977 - 1978
Công trình công cộng	339.440	16.513	41.365
Nông, lâm, ngư nghiệp	12.473	190.344	629.816
Công nghiệp, khai mỏ và xây dựng	8.133	320.061	1.692.222
Giáo dục	980.096	941.975	758.348
Y tế	439	614.927	1.348
Cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội	0	755	7.841
Khoản không xác định	2.781	10.000	7.006
Hỗ trợ khác	2.964.178	427.819	1.256.198
Tổng	**4.307.540**	**2.522.394**	**4.394.091**

Nguồn: Trịnh Thị Định, *Quan hệ Australia - Việt Nam trong giai đoạn 1973 - 1995*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại KHXH&NV Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr. 78.

Số liệu ở bảng 1 cho thấy, trong 3 năm tài khóa từ 1975-1976 đến 1977-1978, nguồn ODA của Australia dành cho Việt Nam tập trung vào 4 lĩnh vực chính là giáo dục (chiếm 23,88% tổng viện trợ), công nghiệp, khai mỏ và xây dựng (18%), nông, lâm, ngư nghiệp (7,42%) và y tế (5,49%). Nguồn ODA mà Australia dành cho Việt Nam giai đoạn 1975-1978 cũng thấp hơn nhiều so với các nước thành viên ASEAN như Indonesia (75,4 triệu AUD), Thái Lan (20,4 triệu AUD), Philippines (19,4 triệu

AUD) và Malaysia (13,8 triệu AUD) (trừ Singapore) (60). Tuy nhiên, sự hỗ trợ này của Australia có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình tái thiết của Việt Nam sau khi thống nhất đất nước.

Khi vấn đề Campuchia nổ ra, do đứng về phía Mỹ, Trung Quốc và ASEAN trong vấn đề này nên chính phủ của Thủ tướng Fraser đã đình chỉ tất cả chương trình viện trợ và trao đổi văn hóa đối với Việt Nam (61). Dưới thời chính phủ Bob Hawke (1983-1991), Australia muốn nối lại viện trợ cho Việt Nam. Tuy nhiên, việc xoay chiều quan hệ với Việt Nam khiến chính phủ Australia gặp nhiều phản đối từ cả đồng minh đến phe đối lập trong nước. Do đó, hoạt động viện trợ được nối lại từ năm 1984 nhưng chủ yếu thông qua các kênh trung gian như Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP), UNICEF, các tổ chức phi chính phủ và Ủy ban lâm thời Mekong với giá trị viện trợ khá lớn *(xem Bảng 2)*.

Bảng 2 cho thấy xu hướng tăng của nguồn ODA mà Australia dành cho Việt Nam. Năm tài khóa 1983-1984, giá trị ODA mới ở con số 498.000 AUD thì đã tăng lên 4,06 triệu AUD một năm sau đó (gấp hơn 8 lần) và đạt mức cao nhất là 21,38 triệu AUD vào năm tài khóa 1988-1989. Hai năm sau đó, nguồn ODA mà Australia dành cho Việt Nam giảm xuống nhưng vẫn ở mức trên 10 triệu AUD mỗi năm. Trong số các nước Đông Nam Á thì Việt Nam là nước nhận nguồn ODA lớn thứ 5 từ Australia, sau Indonesia, Philippines, Thái Lan và Malaysia (62). Điều này thể hiện rõ tầm quan trọng của Việt Nam trong chính sách của Australia đối với khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn này.

Bảng 2: Tổng ODA của Australia dành cho Việt Nam giai đoạn 1979 - 1991

Giá trị: nghìn AUD

Năm tài khóa	Giá trị viện trợ
1983-1984	498
1984-1985	4.061
1985-1986	4.621
1986-1987	6.787
1987-1988	14.218
1988-1989	21.385
1989-1990	17.197
1990-1991	10.035

Nguồn: Tổng hợp của các tác giả từ các Báo cáo thường niên 1987-1988, 1990-1991 của Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia

3. Kết luận

Sau khi Hiệp định hòa bình Paris được ký kết, Australia là một trong những quốc gia đồng minh đầu tiên của Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Việt Nam. Sau khi quan hệ được thiết lập, Việt Nam và Australia đã có những nỗ lực thúc đẩy quan hệ song phương, bắt đầu từ các chuyến thăm của các quan chức ngoại giao, quan chức ngành (thương mại, nông nghiệp, công nghiệp...) đến việc xây dựng thể chế (Hiệp định thương mại 1974). Dù Australia duy trì quan hệ với cả hai miền Nam, Bắc nhưng ưu tiên thúc đẩy quan hệ với VNDCCD. Việc Australia chủ trương xây dựng mối quan hệ cùng có lợi với các nước Đông Dương và Việt Nam chủ động mở rộng trao đổi với các nước tư bản đã giúp thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ Việt Nam - Australia sau khi Việt Nam thống nhất đất nước. Tuy nhiên, quan hệ giữa hai nước vẫn chịu sự chi phối của tình trạng đối đầu hai cực Đông - Tây. Đặc biệt, sau khi vấn đề Campuchia nổ ra, sự khác biệt trong cách tiếp cận vấn đề này khiến quan hệ giữa hai nước trong các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, thương mại, viện trợ phát triển chính thức bị đình trệ. Những thay đổi trong đường lối đối ngoại của cả Việt Nam và Australia

kể từ năm 1983 từng bước giúp hai nước ngày càng xích lại gần nhau về chính trị, giúp quan hệ thương mại song phương được cải thiện, viện trợ chính thức của Australia dành cho Việt Nam được nối lại và tăng cường. Dù có lúc thăng, lúc trầm chủ yếu do tác động của sự đối đầu Đông - Tây nhưng thành quả và cả hạn chế của quan hệ Việt Nam - Australia giai đoạn 1973-1991 là yếu tố mở đầu, là cơ sở cho sự củng cố và tăng cường quan hệ song phương trong giai đoạn sau.

CHÚ THÍCH

(1). Timothy Kendall, *Within China's Orbit? China through the eyes of the Australian Parliament*, Department of Parliamentary Services, Canberra, 2008, p.68.

(2). Allan Barnes, From the Archives, 1972: Whitlam's strong protest against US bombing in Vietnam, The Age, 20 December 2020, https://www.theage.com.au/politics/federal/from-the-archives-1972-whitlam-s-strong-protest-against-us-bombing-in-vietnam-20201218-p56opz.html

(3). Department of External Affairs, *Australia Establishes Diplomatic Relations with Vietnam*, Current Notes on International Affairs, vol. 144, 1973, p. 142.

(4), (7), (22), (59). Department of Foreign Affairs (the Parliament of the Commonwealth of Australia), *Annual Report for year 1975*, Parliamentary Paper, No. 142/1976, Australian Government Publishing Service, Canberra, 1976, p. 50, 49, 7-8, 51.

(5). Huỳnh Tâm Sáng, *Quan hệ Australia - Việt Nam trong giai đoạn 1991 - 2013*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Khoa học xã hội, 2018, tr. 48.

(6), (29), (33), (58). Trịnh Thị Định, *Quan hệ Australia - Việt Nam trong giai đoạn 1973-1995*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, tr. 69, 84, 97, 67, 79.

(8), (9), (10). Department of Foreign Affairs, *Australian Foreign Affairs Record*, June, 1976, p.300, 300, 306.

(11). M. Fraser, "Australia and World Situation", *Ministerial Statement of 1 June 1976, Australian Foreign Affairs Records*, vol. 47, 1976, p. 303.

(12), (19), (23), (24), (49). Department of Foreign Affairs (the Parliament of the Commonwealth of Australia), *Annual Report 1977*, Parliamentary Paper, No. 159/1978, Australian Government Publishing Service, Canberra, 1978, p. 42, 43, 42, 42, 43.

(13), (14), (15), (16), (17), (18). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 36 (1975), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 365, 365, 365, 366, 367, 367.

(20), (21). Australian Departments of Foreign Affairs (the Parliament of the Commonwealth of Australia), *Annual Report 1978*, Parliamentary Paper, No. 112/1979, Australian Government Publishing Service, Canberra, 1979, p. 32, 32.

(25). Nguyễn Đình Bin (cb.), *Ngoại giao Việt Nam 1945-2020*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.305.

(26), (28). Department of Foreign Affairs (the Parliament of Commonwealth of Australia), *Annual Report 1979*, Parliament Paper 102/1980, 1980, p.44, 42.

(27). Australian Department of Foreign Affairs, *Australian Foreign Affairs Record*, Vol.50, No.1, January 1979, p.40.

(30), (31). Department of Foreign Affairs (the Parliament of Commonwealth of Australia), *Annual Report 1981*, Parliament Paper 139/1982,1982, p.3, 3.

(32). Department of Foreign Affairs (the Parliament of Commonwealth of Australia), *Annual Report 1980*, Parliament Paper 120/1981, 1981, p.51.

(34), (35), (50), (51). Department of Foreign Affairs (the Parliament of Commonwealth of Australia), *Annual Report 1983-84*, Parliament Paper 427/1985, 1985, pp.4-5, 9, 9, 10.

(36), (44). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 49, 1988-1989, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.793, 909.

(37). Trần Đức Cường (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, Tập 14*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014, tr.456.

(38). Department of State, *American Foreign Policy Current Document 1985*, Washington, Department of State Publication 9441, 1985, p.959.

(39). *Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng tiếp Bộ trưởng Ngoại giao Ô-xtrây-lia Bin Hay-đơn, Bộ trưởng Bin Hay-đơn họp báo*, Báo Nhân Dân, ngày 1-7-1983, tr.1.

(40), (41). *Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch nói về chuyến thăm In-đô-nê-xi-a và Ô-xtrây-li-a*, Báo Nhân dân, ngày 27-3-1984, tr.1, 1.

(42). I.M. Cumpston, *History of Australian Foreign Policy 1901 - 1990*, vol. 2, Canberra, 1995, p. 338.

(43). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 47, 1986, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2006, tr.790.

(45). C. Thayer & A. Ramses, *Vietnamese Foreign Policy in Transition*, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore, 1999, p. 1.

(46). J. Okamoto, *Australia's Foreign Economic Policy and ASEAN*, ISEAS Publishing, Singapore, 2010, p. 109.

(47). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 34, 1973, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.441.

(48). H.S. Albinski, *Australian External Policy under Labor: Content, Process and The National Debate*, University of Queensland Press, Queensland, 1977, p. 212.

(52). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 44, 1983, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2006, tr.786-787.

(53), (54), (55). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 45, 1984, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.215-216, 215-216, 633.

(56). Australian Department of Foreign Affairs and Trade, *Annual Report 1990 - 1991*, Australian Government Publishing Service, Canberra, 1991, p. 32.

(57). Tập hợp và tính toán của các tác giả từ số liệu của các Báo cáo thường niên 1987-1988, 1988-1989, 1989-1990 của Bộ Ngoại giao Australia (từ năm tài khóa 1987-1988 đổi tên thành Bộ Ngoại giao và Thương mại).

(58). H.S. Albinski, *Australian External Policy under Labor: Content, Process and The National Debate*, University of Queensland Press, Queensland, 1977, p. 180.

(61). Peter Edwards, *From enmity to strategic partnership: Australia-Vietnam relations since 1976*, in Jeffrey Wilson (ed.), Vietnam in the Indo-Pacific: Challenges and opportunities in a new regional landscape, Perth USAsia Centre, The University of Western Australia, 2018, p.15.

(62). Tổng hợp của các tác giả từ các Báo cáo thường niên 1987-1988, 1990-1991 của Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia.